

Số: /KH-UBND

Bình Lư, ngày tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 27/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 27/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026-2030 (gọi tắt là Nghị quyết số 12-NQ/TU). UBND xã Bình Lư xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 27/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch triển khai của UBND tỉnh bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã; làm cơ sở để tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các nội dung phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026-2030. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã và Nhân dân; phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa, tập trung, nâng cao giá trị gia tăng, tích hợp đa giá trị, xanh, sạch, tuần hoàn và giảm phát thải.

Đẩy mạnh chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người dân. Góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã, xây dựng nông thôn mới nâng cao, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

2. Yêu cầu

Quán triệt đầy đủ, sâu sắc nội dung Nghị quyết số 12-NQ/TU và các văn bản chỉ đạo của cấp trên; xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện và trách nhiệm của từng bộ phận, tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện. Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; phù hợp với điều kiện thực tế của xã; phát huy vai trò chủ động của chính quyền, các tổ chức đoàn thể, hợp tác xã, doanh nghiệp và Nhân dân. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chuyên môn, các bản và các tổ chức liên quan trong quá trình triển khai; gắn thực hiện Kế hoạch với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình xây dựng nông thôn mới và các đề án phát triển kinh

tế - xã hội của địa phương.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, đất đai, khí hậu và kinh nghiệm sản xuất của Nhân dân để phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng xanh, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm địa phương. Tổ chức lại sản xuất gắn với quy hoạch vùng sản xuất tập trung; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số trong sản xuất, quản lý, truy xuất nguồn gốc, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm. Phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã gắn với kinh tế hợp tác, liên kết chuỗi giá trị, xây dựng thương hiệu sản phẩm đặc trưng; góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân, bảo vệ môi trường sinh thái và thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2026-2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(1) Cây lúa: Duy trì ổn định diện tích sản xuất lúa khoảng 1.192 ha (*trong đó phát triển diện tích lúa hàng hóa tập trung khoảng 340 ha*); đẩy mạnh áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng; góp phần bảo đảm tổng sản lượng lương thực có hạt đạt khoảng 10.000 tấn.

(2) Cây dong riềng và cây màu: Duy trì và phát triển diện tích dong riềng khoảng 106 ha, nâng cao giá trị sản phẩm miền dong Bình Lư; phát triển diện tích rau màu khoảng 116 ha theo hướng sản xuất hàng hóa, an toàn, phục vụ tiêu dùng và thị trường.

(3) Chăn nuôi gia súc, gia cầm: Phát triển chăn nuôi theo hướng ổn định, bền vững; tổng đàn gia súc đạt khoảng 11.000 con, gia cầm khoảng 160.000 con; từng bước chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang hình thức tập trung, bán công nghiệp; tăng cường áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và xử lý môi trường.

(4) Nuôi trồng thủy sản: Duy trì diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 58,6 ha; phát triển nuôi cá nước lạnh theo đúng quy hoạch của xã; nâng tổng sản lượng thủy sản đạt khoảng 428 tấn, trong đó chú trọng các sản phẩm đặc sản có giá trị kinh tế cao.

(5) Lâm nghiệp và dược liệu: Duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 59,55%; bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có; phát triển các loại dược liệu dưới tán rừng (*như thảo quả và các cây dược liệu phù hợp*), gắn với sinh kế cho người dân và bảo vệ hệ sinh thái rừng.

(6) Sản xuất nông nghiệp theo hướng kinh tế xanh: Từng bước mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn, ứng dụng khoa học kỹ thuật, thân thiện môi trường; phát triển một số mô hình nông nghiệp công nghệ cao (nhà

màng, tưới tiết kiệm...); nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong sản xuất.

(7) Tổ chức sản xuất và liên kết chuỗi giá trị: Củng cố và phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp; đẩy mạnh liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm; phát triển sản phẩm OCOP, xây dựng thương hiệu nông sản chủ lực của xã gắn với truy xuất nguồn gốc và thị trường tiêu thụ.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, học tập, quán triệt Nghị quyết; nâng cao nhận thức về sản xuất nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh

Tổ chức quán triệt, triển khai đầy đủ, kịp thời nội dung Nghị quyết số 12-NQ/TU, kế hoạch của tỉnh, xã đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trên địa bàn; tạo sự đồng thuận trong tổ chức triển khai thực hiện.

Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm địa bàn vùng cao; tăng cường tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, các cuộc họp bản, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đoàn thể; lồng ghép với các chương trình, phong trào thi đua, các cuộc vận động tại địa phương.

Tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh; làm rõ lợi ích của việc chuyển đổi tư duy sản xuất từ nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa, liên kết chuỗi giá trị; nâng cao ý thức của người dân trong áp dụng khoa học kỹ thuật, sản xuất an toàn, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng trong công tác tuyên truyền, vận động; huy động sự tham gia tích cực của Nhân dân trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch.

Tăng cường phổ biến, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, cách làm hay trong phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu, góp phần lan tỏa phong trào thi đua phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn.

Gắn công tác tuyên truyền với hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin thị trường, tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số trong nông nghiệp; từng bước nâng cao năng lực tiếp cận và áp dụng vào thực tiễn sản xuất.

2. Đẩy mạnh chuyển đổi các mô hình sản xuất truyền thống sang áp dụng các quy trình sản xuất xanh, sạch, tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, tích hợp đa giá trị và giảm thiểu tác động môi trường

Từng bước chuyển đổi phương thức sản xuất nông nghiệp từ nhỏ lẻ, truyền thống sang sản xuất hàng hóa tập trung theo hướng xanh, sạch, an toàn, ứng dụng khoa học kỹ thuật và thích ứng với biến đổi khí hậu. Khuyến khích người dân, hợp tác xã áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường; từng bước hình thành tư duy sản xuất gắn với chất lượng, hiệu quả và nhu cầu thị trường.

- **Đổi với trồng trọt:** Tập trung chuyển đổi các vùng sản xuất lúa hàng hóa, chè, dong riềng, cây ăn quả và rau màu theo hướng áp dụng các quy trình sản xuất an toàn, hữu cơ, VietGAP phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Đẩy mạnh sử dụng giống có năng suất, chất lượng cao; áp dụng các biện pháp quản lý dinh dưỡng cây trồng, quản lý sâu bệnh tổng hợp; giảm sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật hóa học, tăng cường sử dụng phân hữu cơ, chế phẩm sinh học và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học. Thực hiện thu gom, xử lý và tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp như rơm rạ, thân lá cây trồng để sản xuất phân hữu cơ, thức ăn chăn nuôi hoặc phục vụ các mục đích sản xuất khác. Từng bước ứng dụng các mô hình nông nghiệp thông minh phù hợp với điều kiện của xã như hệ thống tưới tiết kiệm, tưới tự động, nhà màng, nhà lưới, theo dõi độ ẩm và thời tiết phục vụ sản xuất; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nước, vật tư nông nghiệp, giảm chi phí đầu vào và hạn chế tác động đến môi trường.

- **Đổi với chăn nuôi:** Phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, từng bước chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung, bán tập trung phù hợp với quy hoạch của xã. Khuyến khích áp dụng các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi như hầm biogas, ủ phân hữu cơ, đệm lót sinh học; tận dụng phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi, góp phần giảm chi phí sản xuất, hạn chế ô nhiễm môi trường và hình thành mô hình sản xuất tuần hoàn.

- **Đổi với thủy sản:** Khai thác hiệu quả diện tích ao, hồ, nguồn nước tự nhiên hiện có; phát triển nuôi cá nước lạnh, nuôi cá thương phẩm theo hướng an toàn, kiểm soát tốt môi trường nước và dịch bệnh. Khuyến khích áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong lựa chọn giống, quản lý thức ăn, chăm sóc và phòng bệnh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm.

- **Đổi với dược liệu:** Phát triển các vùng trồng dược liệu phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương, nhất là các loại cây dược liệu dưới tán rừng; gắn phát triển sản xuất với bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao giá trị kinh tế từ tài nguyên bản địa. Từng bước áp dụng quy trình sản xuất an toàn, quản lý vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu sản phẩm.

Gắn phát triển sản xuất với khai thác các giá trị tổng hợp như trải nghiệm nông nghiệp, du lịch cộng đồng, bảo tồn văn hóa bản địa, nâng cao giá trị gia tăng trên cùng một đơn vị diện tích; từng bước xây dựng nền nông nghiệp xanh, tuần hoàn, hiệu quả và phát triển bền vững trên địa bàn xã.

3. Thực hiện rà soát, chuyển đổi, tích tụ, tập trung đất đai

Tổ chức rà soát hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, diện tích mặt nước và các vùng sản xuất trên địa bàn xã; đánh giá cụ thể quỹ đất, chất lượng đất, điều kiện canh tác, khả năng tưới tiêu, giao thông nội đồng và tiềm năng phát triển của từng khu vực để làm cơ sở bố trí, điều chỉnh cơ cấu sản xuất phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2026-2030.

Rà soát diện tích đất sản xuất hiệu quả thấp, đất canh tác phân tán, manh mún hoặc chưa khai thác hết tiềm năng để từng bước chuyển đổi sang phát triển các cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với lợi thế của địa phương

như lúa hàng hóa chất lượng cao, chè, dong riềng, cây ăn quả ôn đới, cá nước lạnh và cây dược liệu dưới tán rừng; bảo đảm việc chuyển đổi đúng quy hoạch, phù hợp điều kiện tự nhiên và nhu cầu thị trường.

Đẩy mạnh thực hiện các hình thức tích tụ, tập trung đất đai phù hợp với thực tiễn địa phương như dồn điền đổi thửa, góp đất liên kết sản xuất, cho thuê quyền sử dụng đất, liên kết giữa hộ dân với hợp tác xã và doanh nghiệp để hình thành các vùng sản xuất tập trung, đồng bộ về giống, quy trình kỹ thuật và chất lượng sản phẩm.

Khuyến khích Nhân dân tham gia các tổ hợp tác, hợp tác xã, mô hình liên kết sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo điều kiện thuận lợi trong cơ giới hóa, ứng dụng khoa học kỹ thuật, tổ chức sản xuất hàng hóa và liên kết tiêu thụ sản phẩm; từng bước khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, phân tán.

Gắn công tác rà soát, chuyển đổi và tích tụ đất đai với đầu tư, nâng cấp hạ tầng phục vụ sản xuất như giao thông nội đồng, thủy lợi, điện sản xuất, khu sơ chế, bảo quản sản phẩm; ưu tiên bố trí quỹ đất phù hợp để phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đầu tư, liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản.

Tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân hiểu rõ lợi ích của việc tích tụ, tập trung đất đai; đồng thời thực hiện tốt công tác quản lý đất đai, sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, bảo đảm khai thác hiệu quả, bền vững tài nguyên đất trên địa bàn xã.

4. Thúc đẩy các hình thức tổ chức sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm

Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã trên địa bàn; khuyến khích thành lập mới các tổ chức kinh tế tập thể trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, chế biến nông sản và phát triển dược liệu. Phát huy vai trò của hợp tác xã trong việc tổ chức sản xuất tập trung, cung ứng vật tư đầu vào, hướng dẫn kỹ thuật, kiểm soát chất lượng và kết nối tiêu thụ sản phẩm cho người dân.

Tổ chức lại sản xuất theo hướng liên kết chuỗi giá trị giữa hộ dân, tổ hợp tác, hợp tác xã với doanh nghiệp; từng bước hình thành các vùng nguyên liệu ổn định đối với các sản phẩm chủ lực của xã như lúa hàng hóa, chè, dong riềng, cây ăn quả, cá nước lạnh và dược liệu. Thực hiện sản xuất theo quy trình thống nhất, bảo đảm đồng đều về chất lượng, an toàn thực phẩm và đáp ứng yêu cầu thị trường.

Tăng cường thu hút doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia liên kết đầu tư phát triển sản xuất, thu mua, sơ chế, chế biến và bao tiêu sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn; khuyến khích ký kết hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo đầu ra ổn định, hạn chế tình trạng được mùa, mất giá.

Hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ sản xuất đầu tư nâng cấp cơ sở sơ chế, bảo quản, đóng gói sản phẩm; từng bước ứng dụng máy móc, thiết bị phù hợp trong thu hoạch, sơ chế và chế biến để giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao

giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp.

Gắn phát triển sản xuất với xây dựng vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc, cấp mã vùng trồng (khi đủ điều kiện), xây dựng nhãn hiệu và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; từng bước đáp ứng yêu cầu của thị trường trong và ngoài tỉnh.

Tăng cường kết nối cung - cầu, mở rộng liên kết với các doanh nghiệp, siêu thị, chợ đầu mối, sàn thương mại điện tử và các kênh phân phối khác; đồng thời đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của xã, góp phần nâng cao giá trị, sức cạnh tranh và thu nhập cho người dân.

5. Tăng cường hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số

Đẩy mạnh chuyên gia, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, từ khâu chọn giống, làm đất, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch đến bảo quản, sơ chế sản phẩm. Ưu tiên sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương; từng bước nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

Tăng cường hướng dẫn người dân, hợp tác xã áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, an toàn như VietGAP, sản xuất hữu cơ, quản lý dịch hại tổng hợp, sử dụng phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học và các biện pháp canh tác thân thiện với môi trường. Khuyến khích nhân rộng các mô hình sản xuất theo hướng nông nghiệp xanh, tuần hoàn, tiết kiệm chi phí và giảm phát thải.

Từng bước ứng dụng cơ giới hóa và công nghệ phù hợp trong sản xuất như hệ thống tưới tiết kiệm, tưới tự động, nhà màng, nhà lưới, thiết bị bảo quản, sơ chế sau thu hoạch; ưu tiên áp dụng tại các vùng sản xuất tập trung đối với lúa hàng hóa, chè, dong riềng, cây ăn quả, dược liệu và nuôi trồng thủy sản nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất sử dụng tem truy xuất nguồn gốc, mã QR, nhật ký sản xuất điện tử; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu về vùng sản xuất, sản lượng, chất lượng sản phẩm phục vụ công tác quản lý và kết nối thị trường.

Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đưa sản phẩm nông nghiệp lên các nền tảng số, sàn thương mại điện tử, mạng xã hội để quảng bá, giới thiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ; từng bước nâng cao năng lực tiếp cận thị trường, xây dựng thương hiệu và tăng giá trị sản phẩm địa phương.

Tăng cường tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, tham quan học tập mô hình thực tế nhằm nâng cao năng lực ứng dụng khoa học kỹ thuật và kỹ năng số cho cán bộ, hợp tác xã và người dân; phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ chuyên môn, khuyến nông trong hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật tại cơ sở, bảo đảm khoa học kỹ thuật được áp dụng hiệu quả vào thực tiễn sản xuất.

6. Tập trung phát triển, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại

Tổ chức rà soát, lựa chọn các sản phẩm nông nghiệp, dược liệu có lợi thế,

mang đặc trưng của địa phương để tập trung xây dựng, phát triển nhãn hiệu, thương hiệu, nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường; ưu tiên các sản phẩm chủ lực của xã như: miền dong Bình Lư, lúa hàng hóa, chè, cá nước lạnh, cây ăn quả và một số sản phẩm dược liệu có tiềm năng.

Hướng dẫn, hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và hộ sản xuất thực hiện đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu tập thể, tem truy xuất nguồn gốc, mã QR và các hình thức nhận diện sản phẩm theo quy định; từng bước chuẩn hóa quy trình sản xuất, chất lượng, bao bì, mẫu mã và thông tin sản phẩm gắn với xây dựng thương hiệu địa phương.

Tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm gắn với vùng nguyên liệu, quy trình sản xuất an toàn, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm; từng bước xây dựng uy tín, niềm tin đối với người tiêu dùng, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp của xã.

Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu sản phẩm thông qua các hội chợ thương mại, hội nghị kết nối cung - cầu, các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh; tạo điều kiện cho các hợp tác xã, hộ sản xuất tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm đặc trưng của địa phương.

Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong quảng bá và tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử, nền tảng số, mạng xã hội và các kênh bán hàng trực tuyến; từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ, tiếp cận khách hàng mới và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Chủ động kết nối với doanh nghiệp, cơ sở chế biến, hệ thống phân phối, siêu thị, cửa hàng nông sản an toàn để hình thành các chuỗi liên kết tiêu thụ ổn định; góp phần xây dựng hình ảnh sản phẩm nông nghiệp của xã Bình Lư có chất lượng, an toàn, mang bản sắc địa phương và có sức cạnh tranh trên thị trường.

7. Cơ chế chính sách, nguồn lực

Tổ chức rà soát, đánh giá việc triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn, kinh tế tập thể, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn; kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp hàng hóa, dược liệu theo hướng kinh tế xanh.

Triển khai hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh liên quan đến phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế tập thể, hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số và xây dựng thương hiệu sản phẩm; bảo đảm các chính sách được thực hiện công khai, đúng đối tượng, phát huy hiệu quả thiết thực.

Chủ động lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất, hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu, ứng dụng khoa học kỹ thuật, phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương.

Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất và Nhân dân tham gia đầu tư phát triển sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tiếp cận nguồn vốn tín dụng, các chính sách hỗ trợ đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất.

Ưu tiên bố trí nguồn lực để hỗ trợ phát triển các sản phẩm có lợi thế của xã, các mô hình sản xuất ứng dụng khoa học kỹ thuật, nông nghiệp xanh, tuần hoàn, an toàn và các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị; từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án hợp pháp khác đang triển khai trên địa bàn.

Đồng thời huy động các nguồn lực xã hội hóa từ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất, Nhân dân và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch thành chương trình, kế hoạch hằng năm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Chủ trì phối hợp với Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn phát triển nông nghiệp hàng hóa, dựa theo hướng kinh tế xanh; tham mưu triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, liên kết chuỗi giá trị, phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng sản phẩm OCOP, nhãn hiệu, thương hiệu và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Chủ trì tham mưu rà soát, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển các vùng sản xuất tập trung; đôn đốc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; định kỳ kiểm tra, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện và tham mưu UBND xã báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

Chủ trì triển khai các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật phục vụ phát triển nông nghiệp hàng hóa, dựa theo hướng kinh tế xanh; tổ chức hướng dẫn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy trình sản xuất an toàn, hữu cơ, VietGAP, nông nghiệp tuần hoàn, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp.

Phối hợp xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác; thực hiện tốt công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản, quản lý công trình thủy lợi và phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng vùng nguyên liệu, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, xây dựng thương hiệu, kết nối tiêu thụ sản phẩm; theo dõi, đánh giá hiệu quả các mô hình sản xuất, kịp thời đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển nông nghiệp trên địa bàn.

Phối hợp với Phòng Kinh tế tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, định kỳ báo cáo UBND xã theo quy định.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 12-NQ/TU và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh.

Tăng cường tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của địa phương; phối hợp thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử trong quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh; vận động người dân tham gia các mô hình liên kết sản xuất, hợp tác xã, tổ hợp tác; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch.

5. Các bản, hợp tác xã, tổ hợp tác và các tổ chức, cá nhân có liên quan

Các bản có trách nhiệm phối hợp với UBND xã, các phòng chuyên môn và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh; hướng dẫn Nhân dân tham gia các mô hình liên kết sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số, phát triển sản xuất an toàn, hiệu quả và bền vững.

Các hợp tác xã, tổ hợp tác căn cứ chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế chủ động tổ chức sản xuất, liên kết với các hộ dân, doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; tích cực ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số, xây dựng vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc, phát triển nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Các tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp tích cực tham gia thực hiện các nội dung của Kế hoạch; chấp hành các quy trình kỹ thuật, quy định về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm; chủ động liên kết sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao giá trị sản phẩm.

Phối hợp cung cấp thông tin, phản ánh những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị trong quá trình thực hiện; thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của UBND xã và cơ quan chuyên môn để tổng hợp, kịp thời xem xét, giải quyết theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 27/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026 - 2030./.

Nơi nhận:

- TT. Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UBNDTQVN xã và các tổ chức chính trị-xã hội xã;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Trưởng các ban;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Tuấn

